ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5316 /UBND-NC V/v triển khai thực hiện nội dung kiến nghị của Ban Pháp chế HĐND tỉnh tại Báo cáo số 135/BC-HĐND ngày 08/10/2015	*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 10 năm 2015*

HỎA TỐC

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7941
Ngày: 16/10/15
Chuyển: .....

Kính gửi:
- Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 400/HĐND-PC ngày 13/10/2015 và kiến nghị của Ban Pháp chế HĐND tỉnh tại Báo cáo số 135/BC-HĐND ngày 08/10/2015 khảo sát tình hình thực hiện biên chế sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2014 *(bản chụp kèm theo),* Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện thành phố tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, sát với yêu cầu nhiệm vụ của từng loại hình đơn vị sự nghiệp; tổ chức triển khai hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội, tăng nguồn thu, tái đầu tư và tăng thu nhập cho công chức, viên chức; đồng thời, tiếp tục thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại các Công văn: số 3636/UBND-NC ngày 19/8/2014 và số 3972/UBND-NC ngày 07/8/2015.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

a) Nghiêm túc triển khai thực hiện ý kiến chủ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại điểm 4 Công văn số 3636/UBND-NC ngày 19/8/2014 về việc triển khai thực hiện việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp. Tăng cường hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho các đơn vị sự nghiệp trong việc quản lý tài chính, tài sản; đồng thời, thanh tra, kiểm tra việc phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng tài chính của đơn vị sự nghiệp.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình rà soát, thẩm tra chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp; tiến hành kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng biên chế của các đơn vị sự nghiệp, nhất là việc tuyển dụng biên chế sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y tế và các huyện, thành phố, nếu đơn vị nào không tuyển dụng, sử dụng hết nguồn biên chế được giao, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi số biên chế chưa sử dụng để chuyển cho đơn vị thật sự còn thiếu hoặc bổ sung vào nguồn biên chế sự nghiệp dự phòng của tỉnh theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại điểm 3 Công văn số 3972/UBND-NC ngày 07/8/2015. Thời gian hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2015.

b) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tuyển dụng viên chức có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu về chức danh vị trí việc làm; hạn chế việc xét tuyển đặc cách viên chức để hợp thức hóa đối với người lao động hợp đồng trên 36 tháng tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế viên chức ở các cơ quan, đơn vị gắn với việc thanh tra công vụ. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp, tham mưu UBND tỉnh trong việc sắp xếp, tránh chồng chéo, vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động, vừa tránh lãng phí việc bố trí nguồn lực và ngân sách tỉnh.

d) Tổng hợp tình hình thực hiện, trước ngày 30/11/2015, tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp thường kỳ cuối năm 2015 (đầu tháng 12/2015).

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- VPUB: CVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc749}.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Ngọc Căng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 135/BC-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 10 năm 2015*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẾN Ngày: 13.10.2015
Chuyển: PKC (gp)

BÁO CÁO

Khảo sát tình hình thực hiện biên chế sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2014

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-HĐND ngày 07/01/2015 của Thường trực HĐND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh về Chương trình ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2015, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh xây dựng Kế hoạch số 21/KH-HĐND ngày 23/3/2015 khảo sát tình hình thực hiện biên chế sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2014. Qua xem xét báo cáo và tiến hành khảo sát trực tiếp một số cơ quan, đơn vị; Ban Pháp chế HĐND tỉnh báo cáo kết quả khảo sát như sau:

I. Tình hình thực hiện biên chế, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

1. Tình hình thực hiện biên chế

Tính đến ngày 31/12/2014, trên địa bàn tỉnh có 856 đơn vị sự nghiệp *(sự nghiệp giáo dục, dạy nghề có 667 đơn vị; sự nghiệp y tế có 62 đơn vị (chưa kể 183 Trạm y tế cấp xã); sự nghiệp văn hóa có 33 đơn vị; sự nghiệp khác 94 đơn vị)*.

- Phần lớn biên chế sự nghiệp đã được HĐND tỉnh giao phân bổ cho các cơ quan, đơn vị từ năm 2011 trở về trước; từ năm 2011 đến nay, việc giao biên chế sự nghiệp cho các đơn vị rất hạn chế. Tính đến năm 2014, tỉnh đã giao phân bổ 25.064 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp *(cấp tỉnh có 8.067 biên chế, cấp huyện có 16.997 biên chế)*. Đến ngày 31/12/2014, các đơn vị đã tuyển dụng được 22.515 người; còn lại 2.549 biên chế chưa tuyển *(trong đó: sự nghiệp giáo dục còn 1.949 biên chế, sự nghiệp y tế còn 267 biên chế, sự nghiệp văn hóa còn 89 biên chế, sự nghiệp khác còn 244 biên chế)*. Từ đầu năm 2015 đến ngày 31/5/2015, các sở, ngành, địa phương đã tuyển dụng thêm được 257 biên chế; còn lại 2.292 chỉ tiêu biên chế chưa tuyển. Ngoài ra, các đơn vị hợp đồng lao động thêm với 1.426 người, trong đó lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ là 413 người.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

- Việc tổ chức thi tuyển, xét tuyển viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập được phân cấp về cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định của Luật viên chức, các quy định của Chính phủ và Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 05/12/2012, Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày

25/9/2013 của UBND tỉnh. Kết quả, từ năm 2012 đến ngày 31/5/2015, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương đã tuyển dụng được 1.673 viên chức, trong đó tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển *(có thi sát hạch)* là 1.427 viên chức; tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển đặc cách là 246 viên chức.

- Việc xét tuyển đặc cách biên chế viên chức trong thời gian qua chủ yếu là để hợp thức hóa cho những người đã được đơn vị hợp đồng lao động liên tục từ 36 tháng trở lên, có trình độ đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển, không vi phạm pháp luật, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên *(quy định tại khoản 1 Điều 15 của Quy định kèm theo Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh);* còn xét tuyển đặc cách để tuyển dụng những người có trình độ, năng lực cao, người có tài năng, năng khiếu đặc biệt thì rất ít.

2. Tình hình tổ chức bộ máy và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

- Phần lớn các đơn vị sự nghiệp có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp, cơ bản phát huy được vai trò phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và cung ứng các dịch vụ công cần thiết cho xã hội. Bên cạnh đó vẫn còn một số đơn vị có chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức chưa phù hợp, còn trùng lắp chức năng, nhiệm vụ, chưa phát huy được thế mạnh, như : *Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật Nông – Lâm nghiệp Dung Quất và Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng, Trung tâm Phát triển quỹ đất Dung Quất...*

- Trong số 856 đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh, có 760 đơn vị do ngân sách nhà nước cấp toàn bộ kinh phí hoạt động *(chiếm 88,79%),* có 88 đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động *(chiếm 10,28%)* và 08 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động *(chiếm 0,93%)*. Hầu hết các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ về tài chính thì hoạt động hiệu quả; nhất là các đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí đã chủ động tìm kiếm, mở rộng mô hình, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp dịch vụ công có chất lượng cho xã hội, tạo nguồn thu cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số đơn vị chưa năng động, sáng tạo, còn tình trạng trông chờ, ỷ lại sự bao cấp từ ngân sách nhà nước; hoạt động còn nhỏ lẻ, manh mún, nguồn lực (nhân lực, kinh phí) còn hạn chế... nên hiệu quả hoạt động chưa cao như : *Trung tâm Dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp huyện; Trung tâm dạy nghề phụ nữ, Trung tâm dạy nghề thanh niên...*

3. Tình hình xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Đề án vị trí việc làm gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp và đã gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

4. Tình hình thu hút nguồn nhân lực và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ viên chức

- Thực hiện Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 13/3/2013 của HĐND tỉnh Quy định chính sách thu hút, khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao và sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi; từ năm 2013 đến tháng 8/2015, tỉnh đã thu hút được 95 người, chủ yếu là bác sỹ, dược sỹ đại học, với tổng kinh phí chi trả là 19.480 triệu đồng *(có Phụ lục 2 kèm theo)*.

- Từ năm 2012 đến năm 2014, tỉnh đã tổ chức 25 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, với 2.998 lượt người tham gia, trong đó có 1.049 lượt người là viên chức. Tổng kinh phí đào tạo các lớp có viên chức tham gia là 8.556 triệu đồng. Ngoài ra, tỉnh đã cử đào tạo 19 tiến sĩ, 170 thạc sĩ, 26 chuyên khoa II, 120 chuyên khoa I và 101 bác sĩ.

II. Nhận xét, đánh giá

1. Ưu điểm

- Công tác tuyển dụng viên chức được phân cấp cho các cơ quan, đơn vị địa phương nên đã tạo được tính chủ động trong việc lên kế hoạch tuyển dụng, tổ chức thi tuyển, xét tuyển hằng năm.

- Việc quy định chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp đã được giao cho thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện thành phố có đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện, nên đã tạo tính chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của đơn vị và của địa phương.

- Chính sách thu hút, khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao và sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy về công tác tại tỉnh bước đầu đã phát huy tác dụng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ viên chức được các cơ quan, đơn vị quan tâm. Trình độ năng lực của đội ngũ viên chức, người lao động ngày một nâng lên.

- Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính đã tạo được tính chủ động trong việc quản lý, chi tiêu tài chính, phát huy tính dân chủ, sáng tạo của người lao động, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

2. Tồn tại, hạn chế

- Phần lớn các biên chế sự nghiệp được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị từ năm 2011 trở về trước. Tuy nhiên, việc tuyển dụng viên chức ở một số sở, ngành, địa phương còn chậm, số lượng biên chế sự nghiệp chưa tuyển dụng vẫn còn nhiều. Tính đến ngày 31/5/2015, còn 2.292 chỉ tiêu biên chế chưa tuyển, phần lớn là biên chế giáo viên của: Sở Giáo dục và Đào tạo *(còn 182 biên chế)*, Trường đại học Phạm Văn Đồng *(còn 54 biên chế)*, huyện Đức Phổ *(còn 283 biên chế)*, huyện Lý Sơn *(còn 229 biên chế)*, thành phố Quảng Ngãi *(còn 200 biên chế)*, huyện Sơn Tây *(còn 177 biên chế)*, huyện Mộ Đức *(còn 164 biên chế)*, huyện Bình Sơn *(còn 138 biên chế)*, huyện Tư Nghĩa *(còn 131 biên chế)*, huyện Sơn Hà *(còn 92 biên chế)*, ... và một số sở, ngành khác

như : Sở Y tế *(còn 251 biên chế)*, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(còn 47 biên chế)*, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất *(còn 38 biên chế)*, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch *(còn 22 biên chế)*,...

- Việc xét tuyển đặc cách biên chế viên chức trong thời gian qua phần lớn để hợp thức hóa cho những người đã được đơn vị hợp đồng lao động, chứ chưa tạo điều kiện để những người có trình độ, năng lực thực sự vào làm việc và việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm đúng mức *(trừ lĩnh vực y tế)*.

- Các đơn vị chưa thật quan tâm đến việc tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng dịch vụ công, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho người lao động.

- Đa số các đơn vị sự nghiệp chưa chủ động xây dựng phương án hoạt động thật sự có hiệu quả để thu hút việc liên doanh, liên kết; còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp từ ngân sách của nhà nước, thiếu tính chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp. Việc thực hiện xã hội hóa trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế chưa nhiều.

- Nhiều Trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và một số đơn vị khác chưa được giao quyền tự chủ về tài chính, nhất là ở các huyện miền núi nên các đơn vị này chưa chủ động trong việc quản lý, chi tiêu tài chính và hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Một số đơn vị sự nghiệp, nhất là các đơn vị sự nghiệp giáo dục chưa có kinh nghiệm trong việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, nội dung quy chế chi tiêu nội bộ chưa hợp lý, chưa thể hiện tính chủ động trong chi tiêu tài chính và thực hành tiết kiệm.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế

- Việc chậm tuyển dụng biên chế chủ yếu do:

+ Trong năm 2012, 2013, các sở, ngành, địa phương không thực hiện tuyển dụng viên chức mà chờ thực hiện theo quy định mới;

+ Từ năm 2014 trở đi, việc tuyển dụng viên chức được phân cấp về các ngành, địa phương thực hiện theo quy định mới và các ngành, địa phương chưa có kinh nghiệm trong việc tuyển dụng nên còn bị động, lúng túng;

+ Một số vị trí không có nguồn dự tuyển, nhất là bác sĩ, dược sĩ đại học và giáo viên một số bộ môn như: Công nghệ, Giáo dục quốc phòng, tiếng Anh ...;

+ Một số trường học có xu hướng giảm số lượng học sinh làm cho thừa giáo viên nên chưa tuyển dụng hết biên chế đã giao theo định mức giáo viên/ học sinh;

+ Một số đơn vị được nhà nước cấp kinh phí hoạt động dựa trên định mức biên chế thường chỉ hợp đồng lao động để sử dụng kinh phí dôi dư tạo nguồn thu nhập tăng thêm cho viên chức, vì chi cho lao động hợp đồng thấp hơn chi cho biên chế;

+ Một số đơn vị sự nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ như: cấp dưỡng, bảo vệ, nhân viên phục vụ... nhưng không được phân bổ kinh phí kèm theo nên giữ lại một số chỉ tiêu biên chế, để sử dụng kinh phí chi trả cho số lao động hợp đồng.

- Khi có quy định những người được đơn vị hợp đồng lao động liên tục từ 36 tháng trở lên, có trình độ đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển, không vi phạm pháp luật, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được xét tuyển đặc cách, thì các cơ quan, đơn vị cứ thế áp dụng để hợp thức hóa cho số lao động hợp đồng; còn việc áp dụng xét tuyển đặc cách để tuyển dụng những người có trình độ, năng lực cao, người có tài năng, năng khiếu đặc biệt thì ít được quan tâm.

- Hầu hết các đơn vị sự nghiệp đều thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao hoặc đặt hàng; kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước cấp theo số biên chế được giao; quy mô hoạt động nhỏ, cơ sở vật chất, biên chế ít, chưa phát huy được thế mạnh; chưa mạnh dạn thực hiện liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ có hiệu quả, tạo nguồn thu cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động và cung ứng dịch vụ công chất lượng cao cho xã hội.

- Hầu hết tài sản của các đơn vị sự nghiệp đang quản lý đều có nguồn gốc từ ngân sách nên không được thế chấp để huy động vốn, vay vốn thực hiện các hoạt động dịch vụ, nên hiệu quả hoạt động còn hạn chế.

- Định mức kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị sự nghiệp còn thấp, chưa tác động tích cực đối với việc thực hiện cơ chế tự chủ, tăng nguồn thu, tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho viên chức.

- Đội ngũ viên chức làm công tác kế toán của các đơn vị sự nghiệp, nhất là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tham mưu cho lãnh đạo để xử lý nguồn lực tài chính có hiệu quả.

- Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ về tình hình thực hiện biên chế, tài chính, hoạt động ở các đơn vị sự nghiệp chưa được các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm đúng mức.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, sát với yêu cầu nhiệm vụ của từng loại hình đơn vị sự nghiệp; đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3636/UBND-NC ngày 19/8/2014.

- Chỉ đạo rà soát, kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng biên chế của các đơn vị sự nghiệp, nhất là việc tuyển dụng biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục. Đẩy mạnh công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tuyển dụng viên chức đạt chất lượng; hạn chế việc xét tuyển đặc cách để hợp thức hóa đối với những

người lao động hợp đồng trên 36 tháng. Kiên quyết thu hồi số biên chế sự nghiệp đã giao nhưng các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sử dụng về bổ sung vào nguồn biên chế dự phòng của tỉnh, để bố trí cho các đơn vị thực sự còn thiếu. Hoàn thành trong năm 2015.

- Chỉ đạo thực hiện việc xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BTC ngày 06/02/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, nhằm tạo điều kiện trong việc huy động vốn. Đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tế nên triển khai thí điểm thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hóa theo quy định.

- Tính toán xây dựng, ban hành lại định mức ngân sách cho phù hợp với tình hình thực tế của từng loại hình đơn vị sự nghiệp theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và triển khai có hiệu quả nghị định này.

2. Đối với Sở Nội vụ

- Chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp trong tỉnh, tham mưu UBND tỉnh sắp xếp lại cho phù hợp.

- Tham mưu giúp cho UBND tỉnh :

+ Kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng biên chế của các đơn vị sự nghiệp; nhất là việc tuyển dụng biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục và việc xét tuyển đặc cách để hợp thức hóa đối với những người lao động hợp đồng trên 36 tháng.

+ Thu hồi số biên chế sự nghiệp đã giao nhưng các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sử dụng về bổ sung vào nguồn biên chế dự phòng của tỉnh, để bố trí cho các đơn vị thực sự còn thiếu.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế ở các cơ quan, đơn vị và thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ.

3. Đối với Sở Tài chính

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp trong tỉnh.

- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho đơn vị sự nghiệp trong việc quản lý tài chính, tài sản…

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc phân bổ dự toán của cơ quan chủ quản đến các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; việc quản lý, sử dụng tài chính của đơn vị sự nghiệp.

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp

- Tiếp tục rà soát lại chức năng, nhiệm vụ để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành lại chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng biên chế; phát huy vai trò, trách nhiệm, năng lực của viên chức.

- Tổ chức triển khai hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán độc lập; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp góp phần tăng thu, tiết kiệm chi; mạnh dạn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ có hiệu quả, tạo nguồn thu cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao và cung ứng dịch vụ công chất lượng cao cho xã hội.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho viên chức, người lao động và trích lập các quỹ theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát về tình hình thực hiện biên chế ở các đơn vị sự nghiệp. Kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các thành viên Đoàn khảo sát;
- Sở Nội vụ, Sở Tài chính;
- Các sở, ban, ngành có đơn vị sự nghiệp;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: UBND, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu VT, DNTT.

TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN

Tôn Long Hiếu

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP ĐẾN NĂM 2014 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 2[illegible]/BC-HĐND ngày 08 /10/2015 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Biên chế giao đến 31/12/2014					Biên chế thực hiện đến 31/12/2014					Biên chế chưa thực hiện 2014					Các đơn vị tuyển biên chế từ đầu năm 2015 đến 31/5/2015	Biên chế thực hiện đến 31/5/2015	Biên chế chưa thực hiện (đến 31/5/2015)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	**CẤP TỈNH**	**8,067**	**3,621**	**282**	**3,295**	**869**	**7,395**	**3,357**	**255**	**3,044**	**739**	**672**	**264**	**27**	**251**	**130**	**107**	**7,502**	**565**	
	Văn phòng UBND tỉnh	**15**				**15**	**15**				**15**							**15**		
1	Trung tâm công báo và tin học	15				15	15				15							15		
	Sở Nội vụ	**14**				**14**	**14**				**14**							**14**		
2	Kho Lưu trữ chuyên dụng	14				14	14				14							14		
	Sở Lao động-TB và XH	**153**	**75**			**78**	**131**	**67**			**64**	**22**	**8**			**14**	**6**	**137**	**16**	
3	Trung tâm bảo trợ xã hội	28				28	22				22	6				6		22	6	
4	Trung tâm giới thiệu việc làm	7				7	6				6	1				1		6	1	
5	Trung tâm điều dưỡng người có công	13				13	12				12	1				1		12	1	
6	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi	50	50				44	44				6	6					44	6	
7	Trường Trung cấp nghề Đức Phổ	25	25				23	23				2	2					23	2	
8	Thường trực BCĐ xoá đói giảm nghèo	7				7	7				7							7		
9	Trung tâm giáo dục Lao động - Xã hội	18				18	12				12	6				6		12	6	
10	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	1				1	1				1							1		
11	Quỹ bảo trợ trẻ em	4				4	4				4							4		
	Sở Nông nghiệp và PTNThôn	**377**				**377**	**330**				**330**	**47**				**47**		**330**	**47**	
12	Chi cục kiểm lâm (biên chế sự nghiệp)	96				96	85				85	11				11		85	11	
13	Các trạm trực thuộc Chi cục thú y	68				68	66				66	2				2		66	2	
14	Các trạm trực thuộc Chi cục bảo vệ thực vật	44				44	38				38	6				6		38	6	
15	Chi cục Phát triển nông thôn (biên chế SN)	17				17	14				14	3				3		14	3	
16	Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư (Kể cả BQL Dự án ĐT,XD NLNghiệp)	52				52	42				42	10				10		42	10	
17	Trung tâm giống cây trồng vật nuôi	8				8	8				8							8		
18	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	10				10	10				10							10		

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Biên chế giao đến 31/12/2014					Biên chế thực hiện đến 31/12/2014					Biên chế chưa thực hiện 2014					Các đơn vị tuyển biên chế từ đầu năm 2015 đến 31/5/2015	Biên chế thực hiện đến 31/5/2015	Biên chế chưa thực hiện (đến 31/5/2015)	Ghi
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	1
19	BQL rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham	38				38	28				28	10				10		28	10	
20	Văn phòng Ban chỉ huy PCLB (CCTL&PCLB	4				4	4				4							4		
21	Trung tâm giống thuỷ sản	11				11	11				11							11		
22	Phòng thí nghiệm (thuộc CC QL CL - NLTS)	4				4	3				3	1				1		3	1	
23	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	6				6	3				3	3				3		3	3	
24	Ban QL các cảng cá và khu neo đậu trú bão	16				16	15				15	1				1		15	1	
25	VP điều phối CTMTQG xây dựng NThôn mới	3				3	3				3							3		
	Sở Tài nguyên và Môi trường	**36**				**36**	**29**				**29**	**7**				**7**		**29**	**7**	
26	Trung tâm Phát triển quỹ đất	8				8	8				8							8		
27	Trung Công nghệ Thông tin TN và MT	9				9	8				8	1				1		8	1	
28	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	12				12	10				10	2				2		10	2	
29	Quỹ Bảo vệ môi trường	6				6	2				2	4				4		2	4	
30	Biên chế SN thuộc Chi cục Biển và Hải đảo	1				1	1				1							1		
	Sở Giao thông vận tải	**2**				**2**	**2**				**2**							**2**		
31	Quỹ bảo trì đường bộ	2				2	2				2							2		
	Sở Văn hoá -Thể thao và du lịch	**179**	**20**	**155**		**4**	**159**	**20**	**137**		**2**	**20**		**18**		**2**	**4**	**163**	**16**	
32	Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng	30		30			21		21			9		9			1	22	8	
33	Đoàn ca múa nhạc dân tộc	22		22			21		21			1		1				21	1	
34	Tạp chí Cẩm thành	5		5			4		4			1		1				4	1	
35	Trung tâm Văn hoá	23		23			21		21			2		2				21	2	
36	Thư viện tổng hợp tỉnh	19		19			18		18			1		1				18	1	
37	Bảo tàng tổng hợp tỉnh	20		20			20		20									20		
38	Ban QL KCT Sơn Mỹ	14		14			13		13			1		1				13	1	
39	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT	22		22			19		19			3		3			3	22		
40	Trường năng khiếu nghiệp vụ TDTT	20	20				20	20										20		
41	Sự nghiệp xúc tiến du lịch	4				4	2				2	2				2		2	2	
	Sở Thông tin và truyền thông	**16**				**16**	**14**				**14**	**2**				**2**	**2**	**16**		
42	Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thôn	16				16	14				14	2				2		14	2	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Biên chế giao đến 31/12/2014					Biên chế thực hiện đến 31/12/2014					Biên chế chưa thực hiện 2014					Các đơn vị tuyển biên chế từ đầu năm 2015 đến 31/5/2015	Biên chế thực hiện đến 31/5/2015	Biên chế chưa thực hiện (đến 31/5/2015)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Sở Khoa học và Công nghệ	**32**				**32**	**29**				**29**	**3**				**3**		**29**	**3**	
43	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN	18				18	16				16	2				2		16	2	
44	Trung tâm kỹ thuật TC ĐL chất lượng	14				14	13				13	1				1		13	1	
	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	**10**				**10**	**10**				**10**							10		
45	Biên chế sự nghiệp thuộc Ban quản lý các KC	10				10	10				10							10		
	Sở Công Thương	**16**				**16**	**16**				**16**							16		
46	Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương m	16				16	16				16							16		
	Sở Tư pháp	**46**				**46**	**41**				**41**	**5**				**5**		41	5	
47	Trung tâm trợ giúp pháp lý	26				26	25				25	1				1		25	1	
48	Phòng Công chứng số 1	7				7	7				7							7		
49	Trung tâm bán đấu giá tài sản	13				13	9				9	4				4		9	4	
	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất	**131**	**26**	**13**		**92**	**93**	**11**	**9**		**73**	**38**	**15**	**4**		**19**		93	38	
50	Ban Quản lý phát triển đô thị Vạn Tường	20				20	14				14	6				6		14	6	
51	Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Qu	26	26				11	11				15	15					11	15	
52	BQL RPH môi trường, cảnh quan Dung Quất	6				6	6				6							6		
53	Trung tâm Phát triển quỹ đất Dung Quất	47				47	44				44	3				3		44	3	
54	Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp	19				19	9				9	10				10		9	10	
55	Trung tâm Văn hoá - Thể thao Dung Quất	13		13			9		9			4		4				9	4	
	Sở Ngoại vụ	**3**				**3**						**3**				**3**			3	
56	Trung tâm Dịch thuật (BS N/vụ dịch vụ ĐN)	3				3						3				3			3	
	Sở Xây dựng	**6**				**6**	**4**				**4**	**2**				**2**		**4**	**2**	
57	Trung tâm Quy hoạch & Kiểm định CLCTXD	4				4	2				2	2				2		2	2	
58	Biên chế sự nghiệp tại Sở	2				2	2				2							2		
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	**17**				**17**	**12**				**12**	**5**				**5**		**12**	**5**	
59	Trung tâm xúc tiến đầu tư	17				17	12				12	5				5		12	5	
60	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	3,088	3,088				2,906	2,906				**182**	182					2,906	182	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Biên chế giao đến 31/12/2014					Biên chế thực hiện đến 31/12/2014					Biên chế chưa thực hiện 2014					Các đơn vị tuyển biên chế từ đầu năm 2015 đến 31/5/2015	Biên chế thực hiện đến 31/5/2015	Biên chế chưa thực hiện (đến 31/5/2015)	Ghi
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	1
61	Sở Y tế	3,295			3,295		3,044			3,044		251			251		95	3,139	156	Kể cả chế ở 2 số xã có 0,5 trở l
62	Trường đại học Phạm Văn Đồng	351	346			5	297	292			5	54	54					297	54	
63	Trường cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	55	55				51	51				4	4					51	4	
64	Đài phát thanh truyền hình	105		105			100		100			5		5				100	5	
65	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi	7				7	7				7							7		
66	Trường cao đẳng nghề VN-HQ-Quảng Ngã	27				27	7				7	20				20		7	20	
67	Liên minh các hợp tác xã	13				13	13				13							13		
68	Văn phòng Ban An toàn giao thông	4				4	4				4							4		
69	Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động	8				8	7				7	1				1		7	1	
70	Trung tâm dạy nghề phụ nữ	5	5				5	5										5		Biên chế
71	Liên hiệp các Hội KH-KT	9				9	9				9							9		
72	Hội Văn học nghệ thuật	6		6			6		6									6		
73	Hội chữ thập đỏ	10				10	10				10							10		
74	Hội đông y	3				3	3				3							3		
75	Hội người mù	3				3	3				3							3		
76	Hội nhà báo	3		3			3		3									3		
77	Hội khuyến học	3				3	3				3							3		
78	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	3				3	3				3							3		
79	Trung tâm dạy nghề thanh niên	3	3				3	3										3		Biên trợ
80	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	2				2	2				2							2		Biên trợ
81	Nhà Thiếu nhi thuộc Tỉnh đoàn	3				3	3				3							3		Biên trợ
82	Hội Luật gia	3				3	3				3							3		
83	Hội sinh viên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi	2				2	2				2							2		Biên trợ
84	Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ ND tỉnh	3	3				2	2				1	1					2	1	Biên trợ

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Biên chế giao đến 31/12/2014					Biên chế thực hiện đến 31/12/2014					Biên chế chưa thực hiện 2014					Các đơn vị tuyển biên chế từ đầu năm 2015 đến 31/5/2015	Biên chế thực hiện đến 31/5/2015	Biên chế chưa thực hiện (đến 31/5/2015)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
II	**CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ**	**16,997**	**16,164**	**271**	**63**	**499**	**15,120**	**14,479**	**209**	**47**	**385**	**1,877**	**1,685**	**62**	**16**	**114**	**150**	**15,270**	**1,727**	
1	Thành phố Quảng Ngãi	2,716	2,630	31	4	51	2,516	2,447	24	3	42	200	183	7	1	9		2,516	200	
2	Huyện Bình Sơn	2,247	2,178	16	3	50	2,109	2,048	15	3	43	138	130	1		7		2,109	138	
3	Huyện Sơn Tịnh	1,119	1,074	14	5	26	1,052	1,009	14	5	24	67	65			2		1,052	67	
4	Huyện Tư Nghĩa	1,511	1,463	17	4	27	1,380	1,339	14	4	23	131	124	3		4		1,380	131	
5	Huyện Nghĩa Hành	1,124	1,077	16	3	28	1,051	1,020	11	1	19	73	57	5	2	9		1,051	73	
6	Huyện Mộ Đức	1,644	1,589	16	5	34	1,480	1,436	13	4	27	164	153	3	1	7		1,480	164	
7	Huyện Đức Phổ	1,698	1,629	19	4	46	1,265	1,221	13	2	29	433	408	6	2	17	150	1,415	283	
8	Huyện Trà Bồng	734	658	25	7	44	667	619	16	6	26	67	39	9	1	18		667	67	
9	Huyện Sơn Tây	614	560	18	5	31	437	401	14	2	20	177	159	4	3	11		437	177	
10	Huyện Sơn Hà	1,161	1,110	19	5	27	1,069	1,028	13	3	25	92	82	6	2	2		1,069	92	
11	Huyện Minh Long	419	366	14	5	34	399	350	14	4	31	20	16		1	3		399	20	
12	Huyện Ba Tơ	1,101	1,026	20	4	51	872	817	16	4	35	229	209	4		16		872	229	
13	Huyện Lý Sơn	354	299	30	4	21	320	280	20	3	17	34	19	10	1	4		320	34	
14	Huyện Tây Trà	555	505	16	5	29	503	464	12	3	24	52	41	4	2	5		503	52	
III	**Thực hiện Đề án của Tỉnh ủy (Đề án 8738)**	**4**				**4**	**4**				**4**							**4**		
1	Một số xã, thị trấn thuộc huyện Tư Nghĩa	4				4	4				4							4		
IV	**Biên chế dự phòng**	**37**										**37**							**37**	
V	**Biên chế thực hiện Đề án của Tỉnh uỷ**	**200**										**200**							**200**	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)	**25,305**	**19,785**	**553**	**3,358**	**1,372**	**22,519**	**17,836**	**464**	**3,091**	**1,128**	**2,786**	**1,949**	**89**	**267**	**244**	**257**	**22,776**	**2,292**	

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH THU HÚT

(Từ năm 2013 đến 31/8/2015)

(Kèm theo Báo cáo số 135 /BC-HĐND ngày 08 /10/2015 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Tốt nghiệp loại	Đơn vị công tác	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
	NĂM 2013						**8,360**	
1	Huỳnh Thị Lệ Châu	09/4/1983	Chuyên khoa	Răng Hàm Mặt		Bệnh viện đa khoa tỉnh	230	
2	Nguyễn Thị Mỹ	26/5/1989	Đại học	Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh	220	
3	Phạm Tấn Sơ	20/7/1989	Đại học	Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh	220	
4	Đinh Thị Thu Hiền	09/4/1989	Đại học	Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh	220	
5	Võ Thị Nhi	15/3/1989	Đại học	Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh	220	
6	Dương Thị Chi	05/5/1989	Đại học	Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh	220	
7	Trịnh Việt Sơn	15/8/1988	Đại học	Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
8	Hồ Kim Đức	16/5/1989	Đại học	Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
9	Lê Vũ Quang	22/4/1989	Đại học	Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
10	Nguyễn Thái Thịnh	19/12/1989	Đại học	Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
11	Nguyễn Thị Trà My	12/01/1989	Đại học	Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
12	Võ Thị Diệu Thanh	28/6/1988	Đại học	Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
13	Đinh Thị Kim Ánh	13/11/1981	Bác sĩ nội trú	Nhãn khoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh	230	
14	Tống Phước Long	12/01/1988	Đại học	Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	200	
15	Hà Thị Mỹ Hạnh	21/9/1989	Đại học	Y học dự phòng	Giỏi	Trung tâm Nội tiết	220	
16	Ngô Thị Thúy	07/02/1988	Đại học	Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	200	
17	Nguyễn Thị Bích Mai	04/01/1988	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
18	Nguyễn Thị Kiều Chung	05/11/1988	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
19	Đỗ Văn Đông	03/4/1989	Đại học	Y học dự phòng	Trung bình khá	TT Y tế DP huyện Nghĩa Hành	180	
20	Nguyễn Thị Nga	22/02/1989	Đại học	Răng Hàm Mặt	Giỏi	Bệnh viện đa khoa thành phố	220	
21	Phan Thị Giang	21/02/1985	Đại học	Răng Hàm Mặt	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh	220	
22	Lê Thị Thùy Dung	24/4/1985	Thạc sĩ	Dược học - DL và DLS		Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	250	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Tốt nghiệp loại	Đơn vị công tác	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
23	Đỗ Thị Ny Ny	29/01/1989	Đại học	Dược sĩ	Trung bình khá	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	180	
24	Nguyễn Cần Duy	12/8/1987	Đại học	Dược sĩ	Trung bình khá	TT Kiểm nghiệm Thuốc-MP-TP	180	
25	Nguyễn Thị Kiệm	20/10/1989	Đại học	Dược sĩ	Khá	TT Kiểm nghiệm Thuốc-MP-TP	200	
26	Hạ Thúy Ngân	15/6/1990	Đại học	Dược sĩ	Khá	Bệnh viện Tâm thần tỉnh	200	
27	Nguyễn Thị Diệu Hiền	11/6/1990	Đại học	Dược sĩ	Khá	TT Kiểm nghiệm Thuốc-MP-TP	200	
28	Bùi Đạt Hiếu	25/6/1989	Đại học	Dược sĩ	Trung bình khá	TT Y tế DP huyện Mộ Đức	180	
29	Hà Tấn Ngọc	08/5/1980	Chuyên khoa 1	Sản phụ khoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	250	
30	Huỳnh Thị Mỹ	16/9/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
31	Trần Ngọc An	01/3/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
32	Bùi Ngọc Minh	07/8/1988	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	200	
33	Đinh Thị Liên	03/02/1987	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Trung tâm Y tế huyện Minh Long	200	
34	Lâm Thị Bích Hồng	22/8/1985	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Trung bình khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	180	
35	Nguyễn Thanh Thương	10/10/1987	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Trung bình khá	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh	180	
36	Phạm Văn Kiên	27/11/1986	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Trung bình khá	Trung tâm Phòng chống sốt rét	180	
37	Nguyễn Thị Phương	04/7/1990	Đại học	Dược sĩ	Giỏi	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh	220	
38	Cao Thị Mỹ Vân	29/8/1989	Đại học	Dược sĩ	Khá	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	200	
39	Trần Thị Thúy Nga	02/02/1989	Đại học	Dược sĩ	Khá	TT Kiểm nghiệm Thuốc-MP-TP	200	
40	Nguyễn Giáo Hoàng	14/10/1988	Đại học	Dược sĩ	Trung bình	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	180	
41	Trịnh Đình Khanh	04/01/1990	Đại học	Dược sĩ	Trung bình khá	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây	180	
	NĂM 2014						**7,900**	
42	Trần Đức Chánh	28/12/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	220	
43	Trịnh Thị Hòa	26/9/1989	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khá	Bệnh viện đa khoa huyện Tư Nghĩa	200	
44	Đỗ Trung Toàn	02/12/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
45	Võ Văn Minh	21/4/1988	Đại học	Dược sĩ	Khá	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	200	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Tốt nghiệp loại	Đơn vị công tác	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
46	Bùi Tá Nghĩa	01/12/1987	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Trung bình Khá	Bệnh viện đa khoa TP Quảng Ngãi	180	
47	Trần Hoàng Lượng	22/02/1988	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Trung bình Khá	Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	180	
48	Đỗ Thị Quỳnh Quyên	07/8/1990	Đại học	Dược sĩ	Trung bình Khá	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	180	
49	Nguyễn Thị Thảo Vương	24/12/1989	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Trung bình Khá	Bệnh viện đa khoa TP Quảng Ngãi	180	
50	Phan Văn Lĩnh	16/3/1989	Đại học	Dược sĩ	Trung bình	TT Kiểm nghiệm thuốc, MP, TP	180	
51	Nguyễn Mậu Thạch	17/6/1985	Thạc sĩ	Nhi khoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	250	
52	Lê Ngọc Thanh	20/10/1989	Đại học	Bác sĩ y học cổ truyền	Trung bình Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	180	
53	Ngô Việt Thắng	10/6/1985	Thạc sĩ	Ngoại khoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	250	
54	Nguyễn Văn Thành	25/12/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	220	
55	Nghiêm Thị Hoài Thanh	29/3/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	220	
56	Phạm Thị Thúy Tuệ	30/4/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	220	
57	Trần Thị Huyền Trang	19/6/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Giỏi	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	220	
58	Phạm Thị Ngọc	15/01/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
59	Nguyễn Thị Phước Lộc	16/10/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
60	Nguyễn Xuân Việt	02/4/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
61	Huỳnh Kim Lâm	01/8/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
62	Nguyễn Văn Hậu	01/01/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
63	Trần Minh Anh Vũ	18/9/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
64	Bùi Vương Lâm	22/7/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	200	
65	Lộc Thị Nga	18/3/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Trung bình khá	Bệnh viện đa khoa huyện Tư Nghĩa	180	
66	Nguyễn Thị Dung	10/6/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa huyện Tư Nghĩa	200	
67	Hà Thị Trang	04/02/1989	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa huyện Bình Sơn	200	
68	Trần Văn Minh	19/02/1990	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Bệnh viện Tâm thần tỉnh	200	
69	Lê Thị Phương Anh	16/01/1990	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Bệnh viện Tâm thần tỉnh	200	
70	Nguyễn Thị Hoài Nhi	01/8/1986	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Giỏi	Bệnh viện Tâm thần tỉnh	220	
71	Hồ Viết Duẩn	18/3/1990	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	200	
72	Hồ Đăng Định	07/02/1989	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố	200	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Tốt nghiệp loại	Đơn vị công tác	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
73	Trần Thị Thùy Dung	10/5/1990	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố	200	
74	Trần Văn Long	13/01/1988	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Giỏi	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	220	
75	Nguyễn Phương	20/9/1990	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	200	
76	Nguyễn Văn Mác Toàn	11/8/1990	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	200	
77	Đặng Đình Đảm	10/4/1989	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Trung bình khá	TT Y tế dự phòng huyện Bình Sơn	180	
78	Trần Thị Hương	10/8/1989	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khá	Bệnh viện đa khoa huyện Bình Sơn	200	
79	Mai Thị Vân Thi	20/8/1991	Đại học	Dược sĩ đại học	Khá	Bệnh viện đa khoa huyện Mộ Đức	200	
80	Nguyễn Thúy Hằng	19/02/1991	Đại học	Dược sĩ đại học	Giỏi	Bệnh viện đa khoa huyện Nghĩa Hành	220	
	NĂM 2015						**3,220**	
81	Đặng Công Dũng	05/5/1979	Chuyên khoa	Hồi sức cấp cứu		Bệnh viện đa khoa tỉnh	230	
82	Lê Hoàng Hưng	25/12/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	200	
83	Bùi Thị Thùy Linh	29/3/1989	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khá	Bệnh viện Y học cổ truyền	200	
84	Nguyễn Tấn Bình	12/02/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
85	Võ Thị Mỹ Thịnh	10/10/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
86	Huỳnh Anh Vũ	14/3/1989	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Trung bình Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	180	
87	Trương Thị Trang	01/01/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Trung bình Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	180	
88	H'Kim Dung Kbuôr	11/01/1987	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Trung bình Khá	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh	180	
89	Phạm Thị Ngọc Hiền	09/8/1986	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh		Bệnh viện đa khoa tỉnh	250	
90	Hoàng Minh Thắng	16/3/1987	Thạc sĩ	Ngoại khoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh	250	
91	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	02/8/1987	Thạc sĩ	Nhi khoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh	250	
92	Nguyễn Trần Thu Hậu	15/3/1990	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	Khá	Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	
93	Trần Thị Minh Tâm	21/4/1988	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	250	
94	Trần Thị Kim Tâm	10/12/1984	Thạc sĩ	Y học (Sản phụ khoa)		Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	250	
95	Trương Văn Đại	02/11/1988	Đại học	Bác sĩ Y học dự phòng	Khá	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố	200	
	Tổng cộng						**19,480**	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40 /HĐND-PC V/v thực hiện các kiến nghị trong Báo cáo khảo sát về tình hình thực hiện biên chế sự nghiệp	*Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 10 năm 2015*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẾN Ngày: 13/10/2015
Chuyển: PKC (gp)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện chương trình công tác năm 2015 của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-HĐND ngày 07/01/2015 về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh về chương trình ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2015, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐND tỉnh. Theo đó, Thường trực HĐND tỉnh đã chỉ đạo Ban Pháp chế HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch, đề cương và tiến hành khảo sát tình hình thực hiện biên chế sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2014. Qua khảo sát, Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã có Báo cáo khảo sát số 135/BC-HĐND ngày 08/10/2015.

Để thực hiện tốt công tác phân bổ, tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện các kiến nghị trong báo cáo khảo sát nêu trên; đồng thời báo cáo kết quả cho HĐND tỉnh vào kỳ họp thường kỳ cuối năm 2015./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP: UBND, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu VT, DNTT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thị Xuân Hồng